

Số: /KH-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch số 276/KH-UBND), Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023-2025 theo lộ trình mục tiêu đã đặt ra trong Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/2/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến 2030, Kế hoạch số 276/KH-UBND, phù hợp với đặc thù, hiện trạng của GDĐT tỉnh Quảng Ninh;

b) Tạo đột phá trong hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục đảm bảo kế thừa, phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử, các Đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục, đặc biệt là các dự án xây dựng trường học thông minh, tiên tiến đã triển khai;

c) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung, góp phần phát triển chính quyền số, xã hội số, xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Kế hoạch số 276/KH-UBND và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của quốc gia, Bộ GDĐT, của tỉnh. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và đảm bảo hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số;

b) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí;

c) Chuyển đổi số phải thực hiện đồng bộ từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT đến các cơ sở giáo dục. Các Đề án, kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của các địa phương, cơ sở giáo dục phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp với kế hoạch này;

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến 2025

a) Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

(3) Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(4) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTĐ ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

(5) 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).

b) Phát triển xã hội số trong giáo dục

(6) 100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

100% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn; 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

(7) 100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp lớp 1, lớp 6, lớp 10 hoàn toàn trên môi trường số.

(8) Triển khai mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.

(9) 100% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.

c) Xây dựng trường học số

**** Chuyển đổi số trong dạy và học***

(10) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;

(11) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

(11.1) Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh sử dụng;

(11.2) Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

(12) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

**** Chuyển đổi số trong quản trị trường học***

(13) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số

(13.1) 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

(13.2) 100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;

(13.3) 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu

(14) Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100%

nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

(15) 100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa;

đ) Phát triển nhân lực số

(16) 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.

(17) 80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

(18) 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến 2030

Tất cả các thành tố trong hệ thống giáo dục của tỉnh được đưa vào môi trường số:

(19) Tiếp tục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

(20) 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của từng đơn vị;

b) Tổ chức các hội thảo chuyên đề, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý các nhà trường, các cơ sở giáo dục; các khóa bồi dưỡng, kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên, học sinh;

c) Tổ chức ngày hội ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số;

d) Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên cổng thông tin ngành giáo dục, của các cơ sở giáo dục;

e) Xây dựng các mô hình tiên tiến trên nền tảng số về từng nhiệm vụ, nội dung trong chuyển đổi số và lan tỏa trong toàn ngành;

f) Tổ chức đánh giá, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có các giải pháp, cách làm sáng tạo hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số của ngành;

g) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học và người học về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học của giáo viên (sử dụng các phần mềm, ứng dụng di động trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin để ra đề kiểm tra, chấm bài; khai thác dữ liệu và phân tích kết quả học tập của học sinh; số hóa học liệu, xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi, bài giảng trực tuyến...). Xây dựng hướng dẫn sử dụng nền tảng học, giao tiếp trực tuyến phục vụ học phụ huynh học sinh, sinh hoạt tổ chuyên môn và các hoạt động quản lý khác của nhà trường.

b) Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và học tập. Xây dựng quy chế về ứng xử trên môi trường mạng cho học sinh và giáo viên.

c) Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt.

đ) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; gợi ý minh chứng và thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên.

f) Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục.

g) Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết

nổi, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng trường học số.

b) Phát huy hiệu quả của các thiết bị đã được đầu tư từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đã được đầu tư thiết bị dạy học hiện đại từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trường học thông minh thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong trường mầm non, trường phổ thông trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục lập kế hoạch, triển khai các giải pháp khai thác hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học đã được đầu tư; phát huy lợi thế của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với nhu cầu thực tế tại đơn vị.

c) Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng như: trang thiết bị máy tính, mạng internet tốc độ cao, hệ thống phòng học thông minh.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau. Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước. Sử dụng nền tảng phần mềm quản lý học tập (LMS) phù hợp, phát huy tối đa lợi ích của LMS đã chọn trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và phụ huynh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục. Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm đã được cung cấp, sử dụng ứng dụng bài giảng điện tử của dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến ngành giáo dục và đào tạo tại địa chỉ: <http://lv.quangninh.edu.vn> cho hoạt động dạy và học của các cơ sở giáo dục. Thường xuyên cập nhật bài giảng, sách giáo khoa, học liệu số và ngân hàng câu hỏi vào hệ thống.

b) Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu

số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học); khai thác sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Các cơ sở giáo dục xây dựng phương án lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị và báo cáo cấp quản lý.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch. Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số, triển khai mô hình dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

d) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; khuyến khích thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện (cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

đ) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

e) Rà soát và đề xuất đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT và Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh) phục vụ dạy môn Tin học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng phòng studio phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

f) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành hiện đại, phòng thực hành mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong ngành giáo dục và dự án trường học thông minh khai thác phòng học được trang bị, các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến một cách triệt để.

g) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (ở những nơi có nhu cầu và điều kiện) bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

h) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số, ... Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho Sở Giáo dục và Đào tạo, 13 phòng giáo dục và đào tạo, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ các cơ quan quản lý giáo dục. Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của cơ sở giáo dục. Triển khai các phân hệ trong hệ thống quản lý trường học trực tuyến đã được xây dựng: quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh và duy trì hệ thống quản lý kế toán đang thực hiện.

d) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, tiếp tục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện ký số trên hồ sơ của đơn vị (sổ điểm, học bạ điện tử,...).

đ) Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (<http://congchuc.quangninh.gov.vn>) tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt từ trường, phòng, Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Trang bị chứng thư số chuyên dùng (do Ban Cơ yếu chính phủ cấp) thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

c) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ.

đ) Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ: (1) Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến và Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ toàn trình; (2) Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình; (3) Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Triển khai chuẩn kỹ năng số, khung năng lực số cho giáo viên và học sinh; tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh.

b) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào

chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN

1. Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Sử dụng công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

2. Triển khai công tác dạy và học từ xa cho 100% cơ sở giáo dục, trong đó thử nghiệm chương trình cho phép học sinh học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

3. Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh.

4. Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển cân đối hàng năm cho ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch.

2. Nguồn tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, của các trường tư thục chi cho các nhiệm vụ triển khai tại đơn vị;

3. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động thực hiện các nội dung của ngành, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Sở

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong kế hoạch (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*). Chủ động đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ để tham mưu với Lãnh đạo Sở điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ theo chỉ tiêu, nhiệm vụ của Ngành.

- Văn phòng: (1) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch; (2) Định kỳ tổng hợp báo cáo sơ kết và tổng kết của các đơn vị để tham mưu báo cáo của Sở GDĐT gửi báo cáo về UBND tỉnh đảm bảo quy định.

2. Phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, Trung tâm GDNN-GDTX

a) Căn cứ Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng Kế hoạch của đơn vị, cụ thể hóa Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, hoàn thành trước 30/12/2023.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí, cân đối kinh phí đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cơ sở giáo dục để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục.

c) Thực hiện báo cáo sơ kết và tổng kết (hoặc theo chỉ đạo) tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, Sở GDĐT đề nghị các Phòng GDĐT, các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở nghiêm túc, triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị trao đổi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Qua Văn phòng Sở GDĐT) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- Đ/c Vũ Văn Diện, Phó CT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng GDĐT;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

PHỤ LỤC 01

Chỉ tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-SGDĐT ngày...../12/2023 của Sở GDĐT)

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số trong giáo dục				
1	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.	2023	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
2	Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.	2025	Văn phòng		
3	Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	2023	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
4	100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTĐ ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.	2023	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
5	100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).	2025	Phòng TCCBQLCL	Văn phòng	
II	Phát triển xã hội số trong giáo dục				
1	100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức TTKDTM; 100% số tiền học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn, 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức TTKDTM.	2025	Phòng KHTC		

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2	100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp hoàn toàn trên môi trường số.	2023 - 2025	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
3	Triển khai mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.	2025	Phòng TCCBQLCL	Phòng GDPT, GDTXMN	
4	100% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.	2025	Văn phòng		
III	Xây dựng trường học số				
	<i>Chuyển đổi số trong dạy và học</i>				
1	Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;	2025	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
2	Về môi trường giáo dục trực tuyến:				
2.1	Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh sử dụng;	2023 - 2025	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng KHTC	
2.2	Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;	2025	Phòng GDPT, GDTXMN		
3	Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình GDPT được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.	2023-2025	Phòng GDPT, GDTXMN		
	<i>Chuyển đổi số trong quản trị trường học</i>				
4	Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số				
4.1	100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;	2023	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
4.2	100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;	2023	Văn phòng	Phòng GDPT, GDTXMN	
4.3	80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	2025	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng KHTC	

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu				
1	Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc	2023	Văn phòng	Phòng TCCBQLCL	
2	100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa	2025	Phòng TCCBQLCL		
V	Phát triển nhân lực số				
1	100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyên đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.	2023 - 2025	Phòng GDPT, GDTXMN	Phòng TCCBQLCL	
2	80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.	2023 - 2025	Phòng GDPT, GDTXMN		
3	100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyên đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.	2023 - 2025	TCCBQLCL		

PHỤ LỤC 02

Nhiệm vụ trọng tâm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-SGDĐT ngày...../12/2023 của Sở GDĐT)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022			
1	Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phần đầu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.	2023	Phòng TCCBQLCL	Phòng GDPT GDTXMN
2	Hoàn thành triển khai CSDL GDĐT tỉnh Quảng Ninh; số hóa hồ sơ, tài liệu, bằng, học liệu...	2023	Văn phòng	
3	Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn.	2023 - 2025	Phòng GDPT GDTXMN	
4	Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.	2023 - 2025	Phòng GDPT GDTXMN	
5	Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống các phòng học/trường học thông minh trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư giai đoạn 2017-2020 thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh và hệ thống của Bộ Giáo dục - Đào tạo.	2023	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
6	Phát triển, triển khai hệ sinh thái các ứng dụng số, nền tảng dạy học trực tuyến để cung cấp các dịch vụ số cho người dân trong lĩnh vực GDĐT.	2023 - 2025	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
7	Triển khai Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2025	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
II	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022			
1	Triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).	2023	Phòng TCCBQLCL	Các đơn vị thuộc Sở
2	Phối hợp kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu ngành GDĐT	2023	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
III	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 07/7/2023			

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Triển khai Mô hình 22 "Mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử"	2023 - 2025	Phòng TCCBQLCL	Các đơn vị thuộc Sở
2	Triển khai Mô hình 33 "Triển khai hệ thống quản lý trường học"	2023 - 2025	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
IV	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 97/KH-UBND			
1	Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục chuẩn hóa cơ sở dữ liệu; tăng cường phối hợp, kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán đẩy mạnh triển khai thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	2025	Phòng KHTC	
2	Tập huấn cho các cơ sở giáo dục sử dụng các phần mềm kế toán hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt	2025	Phòng KHTC	
3	Đẩy mạnh tuyên truyền những tiện ích của thanh toán không dùng tiền mặt tới cha mẹ học sinh	2025	Phòng KHTC	
V	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021			
1	Nghiên cứu triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ-kỹ thuật - toán học (STEM) trong chương trình giáo dục phổ thông	2023 - 2025	Phòng GDPT GDTXMN	
VI	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021			
1	Lồng ghép nội dung phổ biến các thông tin về chuyển đổi số trong các buổi ngoại khóa tại các trường học	2023 - 2025	Phòng GDPT GDTXMN	
VII	Nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về công nghệ thông tin, truyền thông, chuyển đổi số			
1	Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục;			
1.1	Hướng dẫn về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	2024	Phòng GDPT GDTXMN	
1.2	Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và học tập. Xây dựng quy chế về ứng xử trên môi trường mạng cho học sinh và giáo viên.	2024	Văn phòng	
1.3	Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT	2023	Văn phòng	Phòng GDPT GDTXMN

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.4	Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt	2023	KHTC	
1.5	Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá CDS; tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT	2023	Văn phòng	
1.6	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên	2025	Phòng KHTC	Văn phòng
1.7	Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục	2024	Văn phòng	
1.8	Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ GDĐT	2025	Phòng GDPT GDTXMN	Văn phòng
2	Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học			
2.1	Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/Thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ GDĐT xây dựng	2023-2025	Phòng GDPT GDTXMN	
2.2	Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước	2023-2025	Văn phòng	
2.3	Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	2023-2025	Phòng GDPT GDTXMN	
2.4	Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch	2023	Phòng GDPT GDTXMN	
2.5	Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành (bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học	2023-2025	Phòng GDPT GDTXMN	

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.6	Xây dựng thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở cho phép học sinh truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức	2023-2025	GDPT GDTXMN	
2.7	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai	2023-2025	GDPT GDTXMN	
3	Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý GDĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục			
3.1	Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho Sở GDĐT, 13 phòng GDĐT, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	2023 - 2025	Văn phòng	
3.2	Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục	2023 - 2025	Văn phòng	
4	Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục			
4.1	Trang bị chứng thư số chuyên dùng (do Ban Cơ yếu chính phủ cấp) thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành	2024	Văn phòng	
4.2	Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ	2023-2025	TCCBQLCL	
5	Đảm bảo an toàn, an ninh mạng			
5.1	Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyên đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định	2023 - 2025	Văn phòng	
5.2	Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định	2023 - 2025	Văn phòng	
6	Phát triển nguồn nhân lực			

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, CBQL, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và CDS trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh	2023 - 2025	Phòng TCCBQLCL GDPT GDTXMN	
6.2	Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số	2023-2025	Phòng GDPT GDTXMN	